

Bản án số: 321/2020/DS-PT
Ngày: 17-8-2020
V/v “Tranh chấp quyền sử
dụng đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Phạm Hồng Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2020/TLDS-PT ngày 19 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 712/2020/QĐ-PT ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trương Văn M, sinh năm 1950; Cư trú tại: Ấp A, thị trấn G, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

2. Ông Trương Văn H, sinh năm 1956; Cư trú tại: Australia (vắng mặt)

3. Bà Trương Thị B, sinh năm 1946; Cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (có mặt)

4. Bà Trương Thị T, sinh năm 1949; Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà B, bà T: Ông Trương Văn M, sinh năm 1950; Cư trú tại: Ấp A, thị trấn G, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông M: Ông Phan Khánh D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Lương Văn C, sinh năm 1939; Cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp G, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1943 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Chí T1 – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thới Bình (vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:* Anh Lương Văn U (con của bị đơn ông Lương Văn C); Cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời khai của các bên tham gia vụ kiện tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cha mẹ ông M là ông Trương Văn P và bà Võ Thị B1 tạo lập được một phần đất có diện tích khoảng 35 công tầm lớn, tọa lạc tại ấp N B, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Mẹ ông mất năm 1964, cha ông mất năm 1973 không để lại di chúc. Thời điểm đó các anh chị em ông đều tham gia cách mạng còn ông thì đi bộ đội ở xa nên phần đất trên do ông Trương Văn H là em út trong gia đình quản lý, sử dụng. Đến năm 1981, ông Trương Văn H vượt biên ra nước ngoài, để lại phần đất nêu trên nhưng anh chị em ông chưa kịp về địa phương để quản lý, phần đất thì lúc này Nhà nước tạm quản lý và đã lấy phần đất này tạm giao cho 08 hộ dân trong đó có hộ ông Lương Văn C, vì cho rằng các hộ này không có đất sản xuất, nên được tạm giao để họ sản xuất ổn định cuộc sống thời điểm đó. Khoảng năm 1994-1995, Nhà nước có chủ trương đất ai trả về cho người đó, ông có xin Nhà nước trả lại đất nhưng gia đình ông chỉ nhận được phần đất diện tích 16 công tầm lớn (đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình cấp Giấy CNQSDĐ vào ngày 22/11/2004 đứng tên Trương Văn M và Đặng Thị H2 với diện tích 21.307m², thuộc tờ bản đồ số 19, thửa 269 và thửa 248 tọa lạc tại ấp N B, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau). Phần đất còn lại

khoảng 19 công tằm lớn đã giao cho 08 hộ dân, Nhà nước không giao trả lại; 08 hộ dân quản lý, sử dụng gồm các hộ tên: Nguyễn Thị Đ, Lâm Bạch M1, Lương Văn C, Lê Văn H3, Hồng Thị Đ, Trần Hồng G, Dương Thị C1, Trần Thị T1.

Từ năm 1996, ông M đại diện cho gia đình ông tiếp tục làm đơn yêu cầu ở địa phương để giải quyết trả lại phần đất 19 công tằm lớn nêu trên, thì được Ủy ban nhân dân xã T mời 08 hộ dân đến để hòa giải, nhưng chỉ có 04 hộ đồng ý giao trả lại đất cho gia đình ông với điều kiện khi nào Nhà nước có văn bản thu hồi thì họ mới giao trả. Thời điểm này chỉ có hộ ông Nguyễn Tấn H4 (chồng bà Lâm Bạch M) được cấp Giấy CNQSDĐ còn lại 07 hộ chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Đến năm 2017, ông tiếp tục yêu cầu đến Ủy ban nhân dân xã T giải quyết vụ việc tranh chấp thì Ủy ban xã có tổ chức hòa giải 02 lần nhưng không thành và hướng dẫn cho ông M khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Ngày 22/3/2018 gia đình ông có đơn khởi kiện 08 hộ dân đến Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, nhưng do em của ông là ông H đang sinh sống ở nước ngoài, nên ông M rút đơn khởi kiện lại và khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Trước đây tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2018 ông M và anh chị em ông yêu cầu Tòa án buộc ông Lương Văn C trả lại cho anh chị em ông phần đất có diện tích 2.592m² do ông C đang đứng tên Giấy CNQSDĐ. Nay, qua đo đạc thực tế, nguyên đơn thay đổi về diện tích, yêu cầu ông C trả lại cho anh chị em ông phần đất có diện tích 2.980,8m² tọa lạc tại ấp N B, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (theo sơ đồ đo vẽ thực tế phát hành vào ngày 22/8/2019).

Hiện trạng đất là đất nuôi tôm thả lang, không có kiến trúc gì trên đất, nên không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn thống nhất với kết quả đo đạc và định giá của cơ quan chức năng.

- Trong biên bản ghi ý kiến ngày 17/4/2019 (Bút lục số 84); biên bản làm việc ngày 04/10/2019 (bút lục số 180); biên bản hòa giải ngày 17/4/2019 (Bút lục số 85, 86) bị đơn ông ông Lương Văn C trình bày:

Trước đây vào thời gian nào ông không nhớ rõ, Nhà nước thấy hoàn cảnh gia đình ông khó khăn, không có đất sản xuất nên xét giao cho gia đình ông một phần đất có diện tích khoảng 3.000m² để sản xuất, lúc này do bà Lý Thị P là mẹ vợ ông đứng tên, phần đất tọa lạc tại ấp N B, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Sau đó, do bà P bị bệnh nên có nói với vợ chồng ông là đưa cho bà P 15.000.000 đồng thì bà P chuyển nhượng lại phần đất trên cho vợ chồng ông thì ông đồng ý. Việc chuyển nhượng này không có làm giấy tờ, năm 2001 bà P mất. Phần đất trên ông đã được Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình cấp Giấy CNQSDĐ vào ngày 24/12/2013 với diện tích 2.857m², thửa số 425, tờ bản đồ số 20, phần đất tọa lạc tại ấp N B, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Hiện nay

Giấy CNQSDĐ bản gốc ông đang giữ, phần đất trên ông cho bà Nguyễn Thị L thuê hàng năm, mỗi năm 28 gia lúa để nuôi tôm thả lang (cũng như 07 hộ còn lại cùng thửa đất). Trường hợp Tòa án xét xử giữ y phần đất cho ông sử dụng, thì ông tiếp tục cho bà L thuê. Nay, ông M yêu cầu ông trả lại phần đất có diện tích nêu trên, ông không đồng ý, lý do đất này là của mẹ vợ ông chuyển nhượng lại cho ông, phần đất này hiện nay vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Tại biên bản làm việc ngày 04/10/2019 (Bút lục số 179), trước đây vợ chồng bà (chồng bà là ông Tạ Văn D, ông D mất năm 2015) có thuê của ông Lương Văn C phần đất có diện tích 2.857m² tọa lạc tại ấp N B, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (đất ông C cùng với thửa đất của 07 hộ còn lại). Khi thuê chỉ thỏa thuận miệng hàng năm, mỗi năm 28 gia lúa, phần đất này hiện nay bà đang thả tôm nuôi. Trường hợp Tòa án xét xử giữ y phần đất cho ông C sử dụng thì bà tiếp tục thuê, nếu tuyên trả đất cho nguyên đơn bà tự nguyện khai thác tôm thả đất, không yêu cầu xử lý hậu quả của việc trả lại đất trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc làm ăn nên bà xin vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử đến khi vụ án kết thúc.

Bà Trần Thị H1 trình bày: Tại biên bản ghi ý kiến đương sự ngày 18/10/2019 (bút lục số 190), bà Hạnh thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Lương Văn C, bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu Tòa án đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì bà không yêu cầu Tòa án hòa giải bổ sung. Đồng thời, do tuổi cao đi lại khó khăn nên bà xin vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử đến khi vụ án kết thúc.

Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình trình bày:

Tại Công văn số: 216/CNVPĐKĐĐ ngày 08/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Bình xác định phần đất ông Lương Văn C được cấp Giấy CNQSDĐ thuộc thửa 425, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.857m² vào ngày 24/12/2013 (có kèm theo bộ hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ cho ông C).

Tại Công văn số: 2899/UBND ngày 18/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình xác định bản gốc của 02 văn bản này không còn lưu trữ gồm: Quyết định số: 166/QĐ-UB ngày 18/4/1992 về việc thu hồi phần đất vắng chủ vượt biên giới ra nước ngoài và Công văn số: 39/CV-UB ngày 07/8/1996 về việc bác đơn yêu cầu xin đất của ông Trương Văn M của Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình, giữ nguyên hiện trạng phần đất cho 08 hộ dân được cấp.

Vào ngày 12/4/2019 đại diện Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình có văn bản xin không tham gia hòa giải, xét xử vụ án; xin vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tất cả các phiên tòa xét xử vụ án các cấp đối với vụ án. Đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 91, 144, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 12, 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M, bà Trương Thị B, bà Trương Thị T và ông Trương Văn H khởi kiện ông Lương Văn C, về buộc ông Lương Văn C giao trả phần đất có diện tích 2.980,8m² tại thửa số 425, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp N B, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; vị trí:

- Phía Đông: giáp đất ông Lê Văn Đ và Mai Thị M1 cạnh dài 51.68m;
- Phía Tây: giáp phần đất tranh chấp giữa ông Trương Văn M với bà Trần Hồng G cạnh dài 51.19m;
- Phía Nam giáp: giáp phần đất đang tranh chấp giữa ông Trương Văn M với bà Lâm Bạch M cạnh dài 59.79m;
- Phía Bắc giáp: giáp phần đất đang tranh chấp giữa ông Trương Văn M với bà Nguyễn Thị Đ cạnh dài 57.21m.

(Kèm theo bản vẽ phát hành ngày 22/8/2019, bút lục 184, 185).

2. Giữ nguyên phần đất có diện tích 2.857m² (theo đo đạc thực tế 2.980,8m²) Giấy CNQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình cấp ngày 24/12/2013 cho ông Lương Văn C (thuộc thửa 425, tờ bản đồ số 20) cho ông Lương Văn C tiếp tục sử dụng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, tiền án phí và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Trương Văn M có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đồng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp phía các đồng nguyên đơn trình bày: Đất của cha mẹ tạo tập và để lại cho các con nên đây là tài sản hợp pháp của các đồng nguyên đơn, Nhà nước không thể thu hồi, quản lý theo chính sách quản lý nhà đất; các Quyết định số 166/QĐ-UB ngày 18/4/1992 và Công văn số 39/CV-UB ngày 07/8/1996 không còn lưu trữ, không còn bản gốc, đất Nhà nước chỉ tạm giao cho một số người dân sử dụng, sau này Nhà nước đã giao trả cho gia đình ông M 16 công đất. Điều đó có nghĩa là Nhà nước chưa thu hồi, quản lý phần đất này, đất có nguồn gốc cha mẹ để lại nên đề nghị Tòa án buộc ông C phải trả lại đất mà không phải bồi thường, hỗ trợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại phần đất cho nguyên đơn như đã đo vẽ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung đề nghị: Tuy nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ nguyên đơn. Song, vào năm 1978 ông H đi nước ngoài bỏ lại đất không ai quản lý nên Nhà nước quản lý và cấp lại cho 08 hộ dân, trong đó đất này cấp cho hộ ông Khấu Văn T1 vào năm 1991, ông T1 đổi đất với bà P (mẹ vợ ông C). Trong thời gian này, ông M có nhiều lần làm đơn xin lại đất, nhưng Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình đều bác yêu cầu (Công văn số: 39/CV-UB ngày 07-8-1996), lý do đất này ông H bỏ đi vượt biên từ năm 1978 Nhà nước quản lý và giao lại cho các hộ dân hợp pháp.

Phía bị đơn là ông C sử dụng liên tục từ năm 1991 đến năm 2013 được Nhà nước cấp Giấy CNQSDĐ, đầy đủ thủ tục, đúng trình tự theo quy định, nên không có căn cứ chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật đất đai qua các thời kỳ, các Nghị quyết của quốc hội để bác đơn kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của các đương sự, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình, bà Nguyễn Thị L, bà Trần Thị H1 có ý kiến xin vắng mặt (Bút lục số: 190,

250, 279), nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của các đồng nguyên đơn:

[2.1] Hội đồng xét xử nhận thấy: phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 2.980,8m² theo bản vẽ phát hành ngày 22/8/2018 (Bút lục số 184, 185) thuộc thửa số 425, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp N B, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Phần đất này đã được UBND huyện Thới Bình cấp cho ông Lương Văn C sử dụng theo Giấy CNQSDĐ số BR 627164, thửa đất số 425, tờ bản đồ số 20, vào ngày 24/12/2013 với diện tích 2.857m². Theo kết luận định giá ngày 28/10/2019, phần đất có giá trị là 132.115.000 đồng.

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ ông M là ông Trương Văn P và bà Võ Thị B1 tạo lập, ông, bà chết không để lại di chúc và sau đó giao lại cho ông Trương Văn H quản lý, sử dụng. Đến năm 1978, ông Trương Văn H vượt biên ra nước ngoài bỏ lại phần đất này, nên Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình ra Quyết định số: 166/QĐ-UB ngày 18/4/1992 thu hồi phần đất vắng chủ vượt biên giới ra nước ngoài, đã giao cho nhiều hộ dân canh tác, qua các lần giải quyết tại địa phương đều không chấp nhận trả lại đất cho ông M, lý do đất đã thu hồi do người sử dụng đất vượt biên bỏ đất không canh tác (thể hiện tại Công văn số: 39/CV-UB ngày 07/8/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình giải quyết bác đơn yêu cầu xin đất của ông Trương Văn M, giữ nguyên hiện trạng phần đất cho 08 hộ dân được cấp; Báo cáo số 223/BC-TNMT ngày 26/7/2017 (Bút lục số 12).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp phía các đồng nguyên đơn cho rằng: các Quyết định số 166/QĐ-UB ngày 18/4/1992 và Công văn số 39/CV-UB ngày 07/8/1996 không còn lưu trữ, không còn bản gốc, đất Nhà nước chỉ tạm giao cho một số người dân sử dụng, sau này Nhà nước đã giao trả cho gia đình ông M 16 công đất. Điều đó có nghĩa là Nhà nước chưa thu hồi, quản lý phần đất này, đất có nguồn gốc cha mẹ để lại nên đề nghị Tòa án buộc ông C phải trả lại đất mà không phải bồi thường, hỗ trợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, các văn bản nói trên không còn lưu bản gốc, nhưng nội dung thu hồi đất là có thật, việc này phù hợp với các tài liệu có liên quan, các đồng nguyên đơn cũng thừa nhận các tài liệu này do các đồng nguyên đơn cung cấp (cụ thể Công văn 39 có nêu Quyết định số 116). Việc thu hồi nói trên phù hợp với chính sách của nhà nước về nhà đất, cụ thể là các Quyết định 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 297/CT ngày 2/10/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Luật đất đai năm 1987, 1993 thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Phần đất tranh chấp sau khi ông H vượt biên ra nước ngoài từ năm 1978 thì bỏ hoang hóa,

chính quyền địa phương đã cấp cho những người dân không có đất để sử dụng là phù hợp pháp luật, chính sách của Đảng, Nhà nước.

[2.2] Mặc dù, nguồn gốc đất là của cha mẹ ông M giao cho ông H sử dụng, nhưng do ông H đi vượt biên, nên Nhà nước đã thu hồi cấp lại cho người khác; gia đình ông C đã sử dụng liên tục khoảng hơn 40 năm nay (từ năm 1981 đến năm 2020), ông C đã canh tác, tôn tạo, tăng giá trị đất và được cấp Giấy CNQSDĐ đúng trình tự thủ tục, đúng pháp luật. Theo quy định pháp luật tại Điều 1 của Nghị quyết 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khóa 11 và Điều 26 Luật đất đai năm 2013, theo đó Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai... Từ cơ sở trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do vậy, đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở, nên không được chấp nhận. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ, đã nộp xong (trong đó chi phí trích lục hồ sơ 1.050.000 đồng; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 700.000 đồng; chi phí đo đạc là 3.958.000 đồng; chi phí thẩm định giá 4.600.000 đồng) là phù hợp với Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đồng nguyên đơn là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26, 203 Luật đất đai năm 2013; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đồng nguyên đơn, gồm các ông Trương Văn M, bà Trương Thị B, bà Trương Thị T và ông Trương Văn H. Giữ

nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M, bà Trương Thị B, bà Trương Thị T và ông Trương Văn H khởi kiện ông Lương Văn C, về buộc ông Lương Văn C giao trả phần đất có diện tích 2.980,8m² tại thửa số 425, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp N B, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; vị trí:

- Phía Đông: giáp đất ông Lê Văn Đ và Mai Thị M cạnh dài 51.68m;
- Phía Tây: giáp phần đất tranh chấp giữa ông Trương Văn M với bà Trần Hồng Gương cạnh dài 51.19m;
- Phía Nam giáp: giáp phần đất đang tranh chấp giữa ông Trương Văn M với bà Lâm Bạch M cạnh dài 59.79m;
- Phía Bắc giáp: giáp phần đất đang tranh chấp giữa ông Trương Văn M với bà Nguyễn Thị Đ cạnh dài 57.21m.

(Kèm theo bản vẽ phát hành ngày 22-8-2019, bút lục 184, 185).

2. Giữ nguyên phần đất có diện tích 2.857m² (theo đo đạc thực tế 2.980,8m²) Giấy CNQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình cấp ngày 24/12/2013 cho ông Lương Văn C (thuộc thửa 425, tờ bản đồ số 20) cho ông Lương Văn C tiếp tục sử dụng.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trương Văn M, bà Trương Thị B, bà Trương Thị T và ông Trương Văn H phải chịu tổng cộng 10.308.000 đồng (đã nộp xong).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho ông Trương Văn M, bà Trương Thị B, bà Trương Thị T và ông Trương Văn H.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự (8);
- Lưu: hồ sơ (2), VP (6), 21b (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đắc Minh